

Số: 6200/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 12 tháng 7 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) điện tử với cơ sở hạ tầng hiện đại tập trung, thông tin tích hợp thống nhất, hành chính liên thông, công nghệ thông tin (CNTT) được tăng cường ứng dụng trong quản lý nhà nước,

phát triển chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đổi mới nội dung, phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng GDĐT trong thời kỳ mới.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử tại Bộ GDĐT.

- Hệ thống mạng nội bộ được hoàn thiện (LAN, wifi), vận hành ổn định liên tục 24/7, kết nối Internet tốc độ cao. Ít nhất các hệ thống, dịch vụ CNTT cơ bản của Chính phủ điện tử (cổng thông tin điện tử, thư điện tử, văn phòng điện tử) được giám sát về an toàn thông tin.

- 100% các cuộc hội thảo, hội nghị, tập huấn chuyên môn của Bộ được bảo đảm về kỹ thuật để có thể thực hiện trên môi trường mạng; 80% các cuộc hội nghị quan trọng được truyền hình trực tiếp trên mạng để các cơ sở giáo dục có thể theo dõi; toàn bộ 100% các văn bản quy phạm pháp luật được công khai trên mạng.

- Cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử và chữ ký số cho các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức có liên quan trực tiếp đến trao đổi văn bản điện tử trên mạng; tích hợp chữ ký số vào các hệ thống thông tin nội bộ và dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng trung tâm dữ liệu thuộc Bộ (hướng theo mô hình điện toán đám mây) đảm bảo hoạt động cho hệ thống ứng dụng CNTT của Bộ GDĐT và hệ thống CNTT dùng chung toàn ngành.

b) Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ Bộ GDĐT và ngành GDĐT

- Hoàn thiện triển khai hệ thống quản lý hành chính điện tử (e-office) tới các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GDĐT và kết nối, liên thông văn bản điện tử với Văn phòng Chính phủ. 100% văn bản không mật được điện tử hóa, xử lý trên môi trường mạng.

- Tối thiểu 30% các đơn vị thuộc Bộ triển khai thực hiện ứng dụng CNTT kết hợp với Hệ thống quản lý chất lượng ISO (ISO điện tử).

- Hình thành các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý cung cấp đầy đủ các thông tin quản lý GDĐT cần thiết.

- Phân đầu ít nhất 50% các hệ thống thông tin đầu tư mới phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ GDĐT.

- Phát triển và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung (lưu trữ dữ liệu viên chức, nhà giáo, học sinh, sinh viên, cơ sở vật chất, kho học liệu số, kho bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi trực tuyến) bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động quản lý, thực hiện hành chính công vụ, tạo nền tảng thông tin triển

khai Chính phủ điện tử tại Bộ GDĐT, có khả năng kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan.

- Đưa vào sử dụng hệ thống thông tin quản lý giáo dục thông suốt từ Bộ đến các cơ quan quản lý giáo dục kết nối với cơ sở dữ liệu dùng chung.

c) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân

- Ít nhất 80% các đơn vị thuộc cơ quan Bộ có trang tin điện tử phục vụ quản lý điều hành và được liên kết từ cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT.

- Phần đầu ít nhất 80% các dịch vụ công quan trọng được cung cấp trực tuyến tối thiểu mức 3 thông qua Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT. Tỷ lệ hồ sơ nộp qua dịch vụ công trực tuyến đạt ít nhất 50%.

- 100% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT được tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử

a) Nâng cấp hạ tầng mạng LAN, WAN và kết nối truy cập Internet bằng thông rộng tốc độ cao trong cơ quan Bộ và các đơn vị thuộc Bộ GDĐT. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, giám sát tập trung các hệ thống, thiết bị kỹ thuật hạ tầng CNTT.

b) Xây dựng Trung tâm dữ liệu dùng chung của Bộ GDĐT với hệ thống máy chủ hướng theo mô hình điện toán đám mây phục vụ quản lý, vận hành tập trung các thiết bị CNTT của các cơ quan, đơn vị.

c) Xây dựng, nâng cấp, duy trì, vận hành ổn định hệ thống hợp trực tuyến qua mạng giữa Bộ GDĐT với các Sở GDĐT.

d) Trang bị đủ máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức Bộ GDĐT; thay máy tính cá nhân mới cho các máy đã khấu hao hết hoặc cấu hình quá thấp.

đ) Phát triển hệ thống xác thực dùng chung của Bộ theo cơ chế đăng nhập một lần (single sign on).

e) Xây dựng, triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số.

2. Phát triển và hoàn thiện các ứng dụng CNTT trong nội bộ Bộ GDĐT và ngành GDĐT

a) Xây dựng Kiến trúc chính phủ điện tử và nền tảng tích hợp, chia sẻ (LGSP) của Bộ GDĐT.

b) Nâng cấp, hoàn thiện, duy trì các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, ứng dụng CNTT như sau:

- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT.
- Hệ thống quản lý thống quản lý hành chính điện tử (e-office).
- Hệ thống thư điện tử công vụ Bộ GDĐT (@moet.gov.vn).
- Hệ thống quản lý tập huấn chuyên môn qua mạng của Bộ.
- Hệ thống phòng họp, hội thảo trực tuyến.
- Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục - chống mù chữ.
- Trang thông tin Học tiếng Việt trực tuyến.
- Hệ thống quản lý thông tin quản lý thống kê giáo dục (EMIS).
- Hệ thống kho bài giảng điện tử e-Learning.
- Hệ thống trường học kết nối.
- Hệ thống trang tin điện tử các đơn vị thuộc Bộ.
- Hệ thống thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học, cao đẳng trực tuyến.
- Hệ thống thư viện giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, học liệu số.
- Kho luận văn đại học, thạc sỹ và luận án tiến sỹ.
- Hệ thống thông tin quản lý cán bộ trực tuyến của Bộ GDĐT.
- Hệ thống thông tin thống kê giáo dục tiểu học.
- Hệ thống thông tin quản lý rủi ro thiên tai ngành GDĐT.
- Mạng giáo dục Việt Nam Edunet <http://edu.net.vn>;
- Hệ thống thông tin thi và tuyển sinh <http://ts.edu.net.vn>.
- Trang thông tin điện tử “Hành chính một cửa”.
- Phần mềm báo cáo trực tuyến của Đề án ngoại ngữ 2020.

c) Xây dựng mới, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng CNTT

- Hệ thống thông tin quản lý công tác thi đua và khen thưởng.
- Hệ thống thông tin quản lý về thanh tra giáo dục.
- Hệ thống thông tin khoa học và công nghệ.
- Hệ thống thông tin quản lý giáo dục các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, dự bị đại học dân tộc.
- Hệ thống thông tin quản lý về đối ngoại và hợp tác quốc tế.
- Hệ thống thông tin quản lý cung cầu trong đào tạo và sử dụng nhân lực.

- Hệ thống thông tin quản lý về GDĐT thống nhất, xuyên suốt từ cấp Bộ đến cấp Sở, cấp Phòng và trường học.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu học bạ điện tử toàn quốc.

- Hệ thống kho bài giảng đa phương tiện (multi-media), học liệu số, phần mềm thí nghiệm ảo chia sẻ dùng chung dành cho học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học.

- Hệ thống thư viện điện tử dùng chung được chia sẻ sử dụng trong toàn ngành.

- Hệ thống ngân hàng câu hỏi, phần mềm thi tập trung trực tuyến cho giáo viên và học sinh khối các trường phổ thông.

- Kho học liệu giáo dục mở (OER: Open Education Resource gồm các giáo trình, bài giảng điện tử, bài trình chiếu, video, hình ảnh ...) chia sẻ cho toàn ngành sử dụng.

- Hệ thống thông tin quản lý công tác học sinh, sinh viên.

- Hệ thống thông tin hỗ trợ triển khai nhiệm vụ phân luồng học sinh.

- Kho học liệu điện tử triển khai xã hội học tập thường xuyên.

3. Phát triển, hoàn thiện và duy trì các ứng dụng CNTT phục vụ người dân và xã hội

a) Nâng cấp, hoàn thiện, duy trì Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT trở thành đầu mối cung cấp thông tin và tích hợp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, sử dụng thống nhất cơ chế đăng nhập một lần.

b) Rà soát các thủ tục hành chính, cập nhật, bổ sung các dịch vụ công được ưu tiên cung cấp trực tuyến tối thiểu mức độ 3.

c) Triển khai tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của Bộ GDĐT lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

4. Đảm bảo an toàn thông tin

a) Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm, giải pháp phòng chống xâm nhập bảo vệ hệ thống mạng, cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin; triển khai hệ thống thông tin phòng, chống, ngăn chặn thư rác và sao lưu dữ liệu.

b) Triển khai áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; giám sát an toàn thông tin cho các hệ thống thuộc phạm vi quản lý của Bộ GDĐT.

c) Xây dựng kế hoạch, định kỳ kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin với các hệ thống thông tin đang vận hành; diễn tập phòng chống tấn công mạng.

5. Phát triển nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

a) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT tại Bộ GDĐT (ưu tiên đào tạo qua mạng hoặc kết hợp đào tạo qua mạng), trong đó chú trọng:

- Đào tạo cán bộ quản trị mạng, quản trị hệ thống;
- Đào tạo cán bộ biên tập tin, bài cho Cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Đào tạo về an ninh, an toàn, bảo mật, chống tin tặc;
- Đào tạo an toàn dữ liệu và sao lưu dữ liệu.

b) Hàng năm, tổ chức các khóa bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Bộ GDĐT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT

Danh mục và lộ trình triển khai một số nhiệm vụ, dự án chủ yếu của Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của Bộ GDĐT giai đoạn 2016-2020 quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp nâng cao nhận thức, kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi nâng cao hiểu biết, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan Bộ các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục về vai trò, lợi ích của ứng dụng CNTT trong GDĐT.

b) Xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT của các cơ quan, đơn vị có đủ năng lực, trình độ chuyên môn giúp đơn vị triển khai ứng dụng CNTT có hiệu quả.

2. Giải pháp về môi trường pháp lý

a) Ưu tiên xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo môi trường pháp lý cho các hoạt động quản lý, dạy-học, nghiên cứu khoa học trên môi trường điện tử; lồng ghép các chính sách, nội dung về ứng dụng CNTT khi xây dựng các văn bản pháp luật; ban hành Kiến trúc chính phủ điện tử Bộ GDĐT.

b) Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về công nghệ thông tin trong GDĐT, các quy trình nghiệp vụ chuẩn; xây dựng, ban hành tiêu chí chung cho các hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến, các căn cứ để thuê dịch vụ công nghệ thông tin; Ban hành quy chế về ứng dụng và khai các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

c) Xây dựng chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ chuyên trách về CNTT trong Bộ và ngành GDĐT.

3. Giải pháp triển khai

a) Xây dựng hướng dẫn chung, cụ thể đến tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ về chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT của Bộ nhằm đảm bảo ứng dụng CNTT đồng bộ

b) Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT để kịp thời điều chỉnh theo đúng Kế hoạch; gắn chặt ứng dụng CNTT với cải cách hành chính và hệ thống quản lý chất lượng.

c) Cục CNTT là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch hàng năm về ứng dụng CNTT của Bộ GDĐT làm cơ sở để bố trí kinh phí đầu tư và kinh phí sự nghiệp cho các nhiệm vụ, dự án theo Kế hoạch này; các cơ quan, đơn vị ưu tiên bố trí ngân sách cho ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.

d) Các dự án triển khai ứng dụng CNTT cấp Bộ, ngành cần lấy ý kiến bằng văn bản của Cục CNTT trước khi triển khai để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, vận hành, đảm bảo tính đồng bộ thống nhất của hệ thống.

4. Giải pháp tài chính

a) Thống nhất phân bổ kinh phí về đơn vị chuyên trách CNTT của Bộ nhằm triển khai ứng dụng một cách đồng bộ, hiệu quả.

b) Phân bổ kinh phí hàng năm từ nguồn vốn sự nghiệp để triển khai ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Bộ.

c) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để bố trí kinh phí từ nguồn đầu tư phát triển để triển khai các dự án đầu tư về ứng dụng CNTT.

d) Huy động các nguồn vốn khác nhau trong và ngoài nước để phát triển hạ tầng công nghệ, nguồn vốn ODA và hợp tác với nước ngoài để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT.

đ) Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ CNTT, hợp tác công tư (PPP) tùy từng nhiệm vụ cụ thể.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

a) Theo chức năng, nhiệm vụ, mỗi đơn vị xây dựng chi tiết các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch thành các dự án, công việc cụ thể; kết hợp đồng bộ với nhiệm vụ, giải pháp triển khai Kế hoạch hành động của Bộ GDĐT về Chính phủ điện tử quy định tại Quyết định số 2005/QĐ-BGDĐT ngày 14/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Đưa nhiệm vụ ứng dụng CNTT vào kế hoạch công tác trung hạn và hàng năm, đảm bảo là một nội dung bắt buộc trong kế hoạch công tác; hàng năm các đơn vị xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT của đơn vị mình gửi Cục CNTT tổng hợp vào Kế hoạch chung của Bộ gửi Vụ Kế hoạch tài chính (Vụ KHTC) để bố trí kinh phí triển khai.

c) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình triển khai Kế hoạch này theo hướng dẫn của Cục CNTT để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

d) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, dự án cụ thể được giao tại Phụ lục kèm theo Quyết định này. Đồng thời, căn cứ nhiệm vụ và kinh phí được cấp hàng năm, tổ chức xây dựng dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT do đơn vị mình chủ trì gửi về Cục Công nghệ thông tin để lấy ý kiến góp ý chuyên môn trước khi trình Bộ trưởng phê duyệt.

2. Cục Công nghệ thông tin

a) Chủ trì hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch này; đề xuất việc điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tiễn quản lý nhà nước của Bộ GDĐT cũng như chính sách ứng dụng phát triển CNTT của Chính phủ.

b) Cho ý kiến chuyên môn đối với các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ CNTT thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

c) Tham mưu, đề xuất Bộ trưởng ban hành quy chế thẩm định, kiểm tra và nghiệm thu nhiệm vụ, dự án CNTT của các đơn vị trực thuộc Bộ GDĐT.

d) Hàng năm, tổ chức đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước của các đơn vị trực thuộc Bộ.

đ) Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ, dự án CNTT được giao tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Cục CNTT tổng hợp, tham mưu cho Bộ trưởng bố trí kinh phí theo kế hoạch ngân sách hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này.

b) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm về chi cho ứng dụng CNTT, dự án ứng dụng CNTT trong kế hoạch chi hàng năm.

c) Cân đối và đưa vào kế hoạch ngân sách Nhà nước các dự án thành phần trong Kế hoạch này; cấp phát kinh phí đã được cân đối trong dự toán chi ngân sách của Bộ GDĐT hàng năm cho các dự án thành phần trong Kế hoạch này.

d) Thẩm định, hướng dẫn việc sử dụng kinh phí của các dự án chi đúng mục đích và chế độ tài chính hiện hành; giám sát việc cấp, sử dụng kinh phí và báo cáo tài chính của các đơn vị hàng năm.

4. Vụ Pháp chế

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết.

b) Chủ trì, phối hợp với Cục CNTT trong hoạt động gắn kết cải cách thủ tục hành chính với ứng dụng CNTT.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Quốc gia về ứng dụng CNTT (để b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Công thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, CNTT (5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Mạnh Hùng

Phụ lục

DANH MỤC VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI MỘT SỐ NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số 6200/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Lộ trình triển khai				
			2016	2017	2018	2019	2020
1.	Đầu tư xây dựng hệ thống thư điện tử công vụ; hệ thống quản lý điều hành văn phòng điện tử (e-office), cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cục CNTT	X	X	X	X	X
2.	Nâng cấp (thêm máy tính mới, thay máy tính cũ cấu hình thấp, đã hết khấu hao) máy tính làm việc và các thiết bị CNTT cho công chức, viên chức Bộ GDĐT, trang bị các phần mềm bản quyền (hệ điều hành, phần mềm văn phòng, diệt virus)	Văn phòng Bộ	X	X	X	X	X
3.	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cán bộ trực tuyến của Bộ GDĐT	Vụ TCCB ¹	X	X	X	X	X
4.	Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn thông tin của Bộ GDĐT	Cục CNTT		X	X	X	X
5.	Nâng cấp hạ tầng mạng LAN, mạng không dây toàn bộ cơ quan Bộ	Cục CNTT	X	X	X	X	X
6.	Xây dựng ứng dụng chữ ký số	Cục CNTT	X	X	X	X	X
7.	Xây dựng hệ thống phòng họp trực tuyến (video conferencing) của Bộ GDĐT với các Sở GDĐT phục vụ chỉ đạo, họp, hội thảo, trao đổi thông tin.	Cục CNTT		X	X	X	X
8.	Xây dựng hạ tầng mạng CNTT, hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin dùng chung phục vụ ứng dụng CNTT toàn ngành	Cục CNTT	X	X	X	X	X
9.	Xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và tích hợp dịch vụ công lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cục CNTT	X	X	X	X	
10.	Xây dựng, ban hành, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ GDĐT	Cục CNTT	X				
11.	Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ (LGSP) của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cục CNTT	X	X	X		
12.	Xây dựng cơ sở dữ liệu toàn ngành GDĐT	Cục CNTT	X	X	X	X	X
13.	Xây dựng các hệ thống thông tin quản lý về giáo dục toàn ngành (học sinh, giáo viên, cơ	Cục CNTT		X	X	X	X

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Lộ trình triển khai				
			2016	2017	2018	2019	2020
	sở giáo dục, học bạ điện tử, ...)						
14.	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý công tác học sinh, sinh viên	Vụ CTHSSV ²		X	X	X	X
15.	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý công tác thi đua và khen thưởng	Vụ TĐKT ³		X	X	X	X
16.	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý về thanh tra giáo dục triển khai đồng bộ từ cấp Trường, cấp Phòng, cấp Sở và Bộ GDĐT	Thanh tra Bộ		X	X	X	X
17.	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý rủi ro thiên tai ngành GDĐT	Cục CSVCTBTHĐCCTE ⁴	X	X	X	X	X
18.	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý về hợp tác quốc tế và hội nhập	Cục ĐTVNN ⁵ , Vụ HTQT ⁶		X	X	X	X
19.	Nâng cấp, duy trì vận hành kỹ thuật hệ thống thông tin quản lý Phổ cập giáo dục – Chống mù chữ (PCGD-CMC)	Cục CNTT	X	X	X	X	X
20.	Nâng cấp, duy trì vận hành kỹ thuật hệ thống thông tin quản lý thống kê giáo dục (EMIS) trong 3 năm giai đoạn 2016-2018	Cục CNTT	X	X	X		
21.	Xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin giáo dục dân tộc, các trường phổ thông dân tộc nội trú	Vụ GDDT ⁷		X	X	X	X
22.	Xây dựng Hệ thống thông tin hỗ trợ triển khai nhiệm vụ phân luồng học sinh	Vụ GDTTrH ⁸		X	X	X	X
23.	Xây dựng Kho học liệu điện tử triển khai xã hội học tập thường xuyên	Vụ GDTX ⁹		X	X	X	X
24.	Nâng cấp Phần mềm báo cáo trực tuyến của Đề án ngoại ngữ 2020	Đề án NN2020 ¹⁰		X	X		
25.	Xây dựng mạng thông tin cung cầu trong đào tạo và sử dụng nhân lực ngành giáo dục	TT HTĐTCU'NL ¹¹	X	X	X	X	X
26.	Duy trì, vận hành hệ thống trường học kết nối	Cục CNTT	X	X	X	X	X
27.	Nâng cấp và duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử học tiếng Việt trực tuyến	Cục CNTT	X	X	X	X	X
28.	Xây dựng thư viện số tập trung cho giáo dục đại học	Cục CNTT		X	X	X	X
29.	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngân hàng câu hỏi, phần mềm thi tập trung trực tuyến cho giáo viên, học sinh các trường phổ thông.	Cục CNTT		X	X	X	X

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Lộ trình triển khai				
			2016	2017	2018	2019	2020
30.	Xây dựng kho bài giảng đa phương tiện (multi-media), kho học liệu số, phần mềm thí nghiệm ảo, thư viện điện tử dùng chung, sách điện tử	Cục CNTT		X	X	X	X
31.	Xây dựng hệ thống học tập điện tử (e-learning), sách giáo khoa điện tử phục vụ học sinh (khối phổ thông) toàn ngành	Cục CNTT		X	X	X	X
32.	Xây dựng hệ thống tập huấn giáo viên qua mạng của Bộ GDĐT	Cục CNTT		X	X	X	X
33.	Xây dựng hệ thống thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT trực tuyến của Bộ GDĐT	Cục CNTT		X	X	X	X
34.	Bồi dưỡng CNTT cho cán bộ quản lý chuyên trách về CNTT, cán bộ kỹ thuật	Cục CNTT		X	X	X	X
35.	Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức Bộ GDĐT	Cục CNTT	X	X	X	X	X

-
- (1): Vụ Tổ chức cán bộ
(2): Vụ Công tác học sinh sinh viên
(3): Vụ Thi đua khen thưởng
(4): Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em
(5): Cục Đào tạo với nước ngoài
(6): Vụ Hợp tác quốc tế
(7): Vụ Giáo dục dân tộc
(8): Vụ Giáo dục Trung học
(9): Vụ Giáo dục thường xuyên
(10): Đề án ngoại ngữ 2020
(11): Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo và Cung ứng nhân lực.